



Tác Giả

HOÀNG THÂN VINH
NGUYỄN PHƯỚC VĨNH PHU

XÂY DỰNG CƠ ĐỒ NƯỚC VIỆT

THURSDAY, 27. MARCH 2008, 03:08:34



Các Đồi Chúa Nguyễn Đàng Trong
Mở mang bờ cõi về phương Nam như thế nào?

Riêng tặng:

- Hội-đồng Hoàng-Tộc Hải-Ngoại Hoa-Kỳ
- Toàn thể Bà con Nội Ngoại Nguyễn-phước tộc ở trong hoặc ở ngoài nước Việt-Nam.

KỶ I

Trước khi nói về các Chúa Nguyễn (đàng trong), thiết tưởng cũng nên nói qua về vùng đất Thuận-Hóa, đây là vùng đất khởi đầu lập-nghiệp của Chúa Nguyễn-Hoàng (1558 – 1613).



Nguyên đời Vua Trần-nhân-Tông (1279 – 1293) Sau khi làm Vua được 14 năm, Nhà Vua nhường Ngôi cho Con là Trần Anh-Tông rồi lên làm Thái-thượng-Hoàng và đi tu ! Tháng 3 năm Tân-Sửu (1301) Nhân-Tông ngao-du sơn thủy và làm một cuộc viễn-du sang Chiêm Quốc để tăng thêm quan-hệ hòa-hiếu với lân bang (nên nhớ rằng kể từ thế-kỷ XII Chiêm-Thành là một Quốc-Gia hùng mạnh không kém gì Đại-Việt ta thời đó là bao nhiêu!) Thái thượng Hoàng Nhân-Tông có hứa gả Công-Chúa Huyền-Trân cho Vua Chiêm là Chế-Mân, có thể nói đây là một cuộc hôn-nhân Vương giả mang màu sắc chính-trị mà kết-quả với quà sính lễ ngoài vàng bạc châu báu còn là đất đai gồm hai Châu Ô và Rí (Lý). Năm 1306 Huyền-Trân Công-Chúa về Chiêm Quốc làm Vợ Vua Chế-Mân và được phong làm Hoàng-Hậu gọi là hoàng-hậu Paramesvari cùng lúc đó thì dân ở hai nơi Thanh-Hóa và Nghệ-An cũng rầm-rộ kéo nhau vào tiếp nhận hai Châu này, về sau hai Châu này được đổi thành Châu Thuận và Châu Hóa được gọi chung là Thuận-Hóa mà nay là hai Tỉnh Quảng-Trị và Thừa-Thiên. Nói chung diện-tích của 2 châu này chừng khoảng mười ngàn cây số vuông (10,000 Km²) Huyền-Trân sanh được một trai là Thế-tử Đa, về Chiêm không đầy một năm (11 tháng) thì Chế-Mân chết và theo tục-lệ Chiêm-Thành Vua chết thì Hoàng-Hậu phải chịu hỏa-thiêu để chết theo ! Triều-đình nhà Trần không muốn Công-Chúa phải chịu chết như thế, nên tháng 10 năm Đinh Mùi (1307) Nhà Trần sai sứ-giả vào Chiêm Quốc lấy cớ điếu tang nhưng mục-đích chính là để cứu Công-Chúa về ! Vua Anh-Tông sai Trần-khắc- Chung, quan Thượng-thư Tả bộc Xạ và An Phủ sứ Đặng Văn viếng lễ, nhân đó nói rằng nếu để Hoàng-Hậu lên giàn thiêu ngay thì sợ trong đàn chay sẽ không có người đứng chủ, chi bằng hãy ra bờ biển làm lễ chiêu hồn ở ven trời đón linh-hồn cùng về, rồi hắt vào giàn thiêu, người Chiêm thấy có lý nghe theo, nhân đó Trần-khắc-Chung đã dùng thuyền nhẹ cướp Công-Chúa rồi dong thẳng ra biển ! Không rõ vì mang ơn cứu mạng hay giữa Huyền-Trân và Khắc-Chung đã có lời ước hẹn trước mà con thuyền đã thông dong loanh quanh trên biển gần 1 năm mới về tới Đại-Việt. Việc hôn-nhân của Huyền-Trân với Vua Chiêm trong Tôn-thất nhà Trần cũng có kẻ không ưa thích nên có câu thơ:

“Tiếc thay cây Quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo !”



Còn trong dân-gian, vào lúc đó cho việc Huyền-Trân và Khắc-Chung là việc xấu nên có câu vè :

“Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vò nước đục , lại vẩn lửa rơm !”

Nguyên họ Nguyễn là một danh-gia vọng tộc ở Thanh-Hóa, Nguyễn-hoàng-Dụ đã từng giúp vua Lê-tương-Dực khởi binh ở Thanh-Hóa lật đổ Vua Lê-uy-Mục vì Lê-uy-Mục là một vị Vua đăm-mê tửu sắc vô độ cùng tánh thích giết người cho nên dân-gian cùng trung-thần oán giận ! Thời Lê-uy-Mục có câu: Tội ác đã đến muôn về, giết hại người xương thịt, dìm hãm các thần liêu.. Tước đã hết rồi mà còn thưởng bầy không ngớt, dân đã cùng rồi mà vết mãi không thôi, tiêu tiền như bùn đất, bạo-ngược ngang với Tàn chính.. Vua Lê-tương-Dực (1510 – 1516) phong Nguyễn-hoàng-Dụ làm Thái-phó Trừng quốc Công.

Nguyễn-Kim là con trưởng Nguyễn-hoàng-Dụ làm Quan dưới Triều Lê tới chức Hữu vệ Điện tiền tướng quân tước An-thành-Hầu. Khi Mạc-đăng-Dung cướp ngôi vua Lê, Nguyễn-Kim đem gia-quyển lánh sang Ai-Lao, thu nạp hào kiệt mưu Trung hưng nhà Lê, Ông được phong Thượng phụ Thái sư Hưng-quốc công. Tháng 12 năm Canh-Tý (1540) Nguyễn-Kim đem quân từ Lào về nước và đánh chiếm Nghệ-An nhiều hào-kiệt theo về giúp Trung hưng, cuối năm Kỷ-Mão (1543) nhà Lê chiếm được Tây Kinh (Tây Đô) tướng nhà Mạc là Dương-chấp-Nhất phải đầu hàng, từ đó trong nước dần dần hình thành 2 vùng chịu sự khống-chế của 2 lực-lượng đối lập Thanh-Hóa Nghệ-An trở vào thuộc Vua Lê dưới sự giúp đỡ của Họ Nguyễn rồi sau

là Họ Trịnh (Nam Triều) Vùng Bắc Bộ trong đó có cả Kinh-thành thuộc quyền nhà Mạc (Bắc Triều), từ đó bắt đầu một cuộc nội chiến tàn-khốc kéo dài gần 50 năm (1545 – 1592) Năm Quý Ty 1545, Nguyễn-Kim đem quân tiến đánh Sơn-Nam, đến huyện Yên-Mô thì bị hàng tướng của Mạc là Dương-chấp-Nhất đánh thuốc độc giết chết, Con rể của Nguyễn-Kim là Trịnh-Kiểm nắm giữ binh quyền và tiếp-tục sự-nghiệp tranh-chấp với nhà Mạc, từ đó họ Trịnh thế-tập cha truyền con nối nắm giữ binh-quyền mở đầu thời-kỳ “Vua Lê Chúa Trịnh” Trịnh-Kiểm có toàn quyền định đoạt việc quân ở ngoài cũng như việc nội triều, tất thảy đều tự quyết trước mới tâu Vua sau, tóm lại Vua Lê chỉ làm vì mà thôi ! Năm 1546 Trịnh-Kiểm lập Hành-Cung Vua Lê ở Thanh-Hóa và lấy danh nghĩa phù Lê diệt Mạc, nhiều hào-kiệt danh-sĩ đương thời lại tìm đường vào Thanh-Hóa như Phùng-khắc-Khoan, Lương-đắc-Bằng. Năm Mậu-Thân 1548 Lê-duy-Ninh mất thọ 34 tuổi ở ngôi 16 năm, Trịnh-Kiểm cho lập Thái-tử Duy-Huyền mới 15 tuổi lên nối ngôi, phong cho Trịnh-Kiểm làm Thái-Sư Hưng quốc Công.

Nguyễn-Kim có 2 người Con trai là Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng và người con gái tên Ngọc-Bảo là vợ của Trịnh-Kiểm, Trịnh-Kiểm chuyên quyền muốn loại dần vây cánh anh em nhà họ Nguyễn, mà cụ-thể là con trưởng của Nguyễn-Kim tức Nguyễn-Uông bị hãm hại chết ! Nguyễn-Hoàng thấy nguy-cơ đang gần kề và lo sợ cho số mạng mình, cho người đến vấn-kế Trạng-trình Nguyễn-bình-Khiêm, ông ta không nói năng chi, chỉ viết 8 chữ “Hoành sơn nhất đá, Vạn đại dung thân” có nghĩa Hoành sơn một dãy dung thân muôn đời, hiểu ý lời dạy bảo, Nguyễn-Hoàng xin với Chị là Ngọc-Bảo vợ Trịnh-Kiểm tâu với Vua Lê cho mình vào trấn-thủ Thuận-Hóa, Trịnh-Kiểm thấy đất ấy xa xôi hiểm trở, khí hậu khắc-nghiệt, chi bằng để rừng thiêng nước độc phương Nam giết Nguyễn-Hoàng lại nửa quân Mạc có thể vượt biển đánh tập hậu sau lưng nên đồng ý tâu vua Lê cho Nguyễn-Hoàng vào Trấn-thủ Thuận-Hóa (toàn quyền xử lý mọi việc) đó là năm 1558 đời Vua Lê-anh-Tông. Nguyễn-Hoàng vào lãnh đất phong vừa tròn 34 tuổi có nhiều họ hàng và binh lính ở Thanh Nghệ tình-nguyện đi theo hơn cả ngàn người, khi Nguyễn-Hoàng đi rồi cận-thần Trịnh-Kiểm cho rằng để Nguyễn-Hoàng vào Nam không khác nào thả cọp về rừng vậy ! (cũng như Hạng-Vũ đã tha Lưu-Bang không giết mà cho trấn nhậm ở đất Hán-Trung khi xưa bên Tàu vậy) Nguyễn-Hoàng vào dựng dinh-trại ở Xã Ái-Tử nay thuộc huyện Triệu-Phong Quảng-Trị bây giờ, khéo vỗ về quân dân, thu dùng hào-kiệt, sưu-thuế nhẹ nhàng được mọi người mến phục và gọi là Chúa Tiên ! Tướng

nhà Mạc là Lập-Bạo đem một số quân với hơn 60 chiến-thuyền vào đánh Nguyễn-Hoàng. Hai bên đánh nhau nhiều trận, bắt phân thắng bại ! Một đêm Nguyễn-Hoàng đang đóng binh bờ sông nghe dưới sông có tiếng trảo-trảo, Chúa lấy làm lạ ra xem thì thấy sóng gió hải-hùng ! Nhân đó Chúa quỳ xuống khấn-nguyện: “Thần Sông linh-thiên thì cố giúp ta trừ giặc”. Đêm hôm đó Chúa nằm mộng thấy một người đàn bà sắc đẹp lộng-lẫy, dáng dấp uyển-chuyển nhẹ-nhàng, đi lại gần Chúa và bảo rằng: “nhà ngươi hãy dùng mỹ-nhân-kế mới thắng được giặc” thức dậy Chúa vui mừng vì được điềm lành, bỗng nàng hầu Ngô thị mang nước vào cho Chúa, thấy nàng xinh đẹp lạ thường, Chúa liền dùng Ngô thị làm mỹ-nhân-kế giết Lập-Bạo, về phần lập-Bạo, y dương dương tự đắc vì thấy Nguyễn-Hoàng không làm gì được mình nên ăn nhậu hát xướng suốt ngày, đang khi ấy Lập-Bạo thấy một Cô nàng sắc nước hương trời mang lễ vật và thư giảng hòa của Chúa Nguyễn xin vào yết-kiến, nguyên Lập-Bạo là người hiếu sắc, lại thấy Ngô thị liếc mắt đưa tình nên bị mê hoặc và đồng ý để hai bên giảng hòa một thời-gian, được việc Ngô thị cáo lui. Nàng liếc mắt ra chiều lả lơi làm cho Lập-Bạo vội vàng đi theo nhưng lại không thể nào bắt kịp, cứ thế đến chỗ phục binh của quân Nguyễn và thế là Lập-Bạo bị giết chết, chủ tướng đã chết, như rắn mất đầu, quan quân Mạc tan rã và bị giết chết rất nhiều ! Khoảng 40 năm đầu vào vùng đất mới, Nguyễn-Hoàng chú-trọng khai hoang lập ấp, phát-triển kinh-tế, thu-dụng nhân-tài, gây dựng lực-lượng tính kế lâu dài! Bên ngoài vẫn giữ quan-hệ tốt và hoàn-thành mọi nghĩa-vụ đối với Vua Lê Chúa Trịnh ! Năm Quý Ty 1593 biết Lê Trịnh đã đánh tan quân Mạc và đã lấy lại Đông-đô, Nguyễn-Hoàng đem quân ra yết-kiến Vua Lê, Vua Lê khen ngợi đã có công trấn-thủ phương Nam, Nguyễn-Hoàng ở lại với Vua Lê 7 năm. Năm Kỷ-Hợi 1599 vua Lê băng hà con thứ là Duy-Tân lên ngôi, Nguyễn-Hoàng được phong là Hữu tướng, qua năm sau Canh-Tý 1600 sau khi đem quân dẹp các tướng nổi loạn Phan Ngạn, Ngô-đình-Nga và Bùi-văn-Khê ở Nam-Định, Nguyễn-Hoàng cùng quân bản bộ ra biển dong thẳng vào Thuận-Hóa để lại Con trai thứ 5 tên là Hải và Cháu tên là Hắc (Con trai của Hán) ở lại Bắc làm con tin. Vua Lê sai sứ vào phủ dụ và vẫn để Nguyễn-Hoàng trấn-thủ Thuận-Quảng. Cũng năm Canh-Tý 1600 này và cũng để Chúa Trịnh yên-tâm Nguyễn-Hoàng gả con gái là Ngọc-Tú cho Trịnh-Tráng (con trai Trịnh-Tùng, cháu nội Trịnh-Kiểm) từ đó Nguyễn-Hoàng không ra Đông-đô nữa, có thể nói từ 1600 Nguyễn-Hoàng bắt đầu xây-dựng một giang-sơn riêng cho Họ Nguyễn, tổ-chức chính-quyền, mở rộng đất đai về phía Nam, dân chúng ngoài Bắc bị mất mùa đói kém chạy vào Nam theo Chúa Nguyễn khá đông.



Năm Quý-sửu 1613 Nguyễn-Hoàng đã già yếu 89 tuổi, có 10 con trai, trấn-thủ Thuận-Quảng được 56 năm (1558 – 1613) và sắp mất mới gọi người con trai thứ 6 là Nguyễn-phúc-Nguyên vào dặn rằng: “Đất Thuận-Quảng này bên hướng bắc thì có Núi Hoành Sơn, sông Linh-Giang, bên Nam thì có núi đèo Hải-Vân và núi Bi-Sơn thật là một nơi để cho người anh-hùng dụng võ, vậy phải biết thương yêu nhân-dân, luyện-tập binh sĩ, thu dụng nhân tài, để gây dựng cơ-nghiệp về sau ”. Lưu ý 4 người con trai đầu đã chết, còn người con trai thứ 5 là Hải thì đang ở làm con tin ngoài Bắc ! Nguyễn-phúc-Nguyên khóc bá tỵ và lãnh mạng, lúc này Nguyễn đã 51 tuổi, và được gọi là Sãi-Vương cho người dời Cung phủ về Xã Phúc-Yên huyện Quảng-Điền, ngày đêm lo chính sự, thu dụng nhân-tài, trong số đó đặc-biệt nhất là Đào-duy-Từ một mưu-sĩ, Duy-Từ cũng người Thanh-Hóa, Từ theo Chúa Nguyễn rất trẻ chỉ được có 8 năm, là người tài giỏi và đã tiến cử Nguyễn-hữu-Tiến con rể mình cho Chúa Nguyễn, Tiến là một tướng tài giúp cho cơ-nghiệp Chúa Nguyễn ngày càng vững mạnh hơn !

Năm Kỷ-Mùi 1619 Trịnh-Tùng đem quân đánh Chúa Nguyễn ở Thuận-Quảng và cũng kể từ đây Chúa Nguyễn không Cống nạp cho Chúa Trịnh nữa ! Đào-duy-Từ hiến kế cho Chúa Nguyễn và được Chúa Nguyễn nghe theo:

- Cho xây đắp lũy Trường-Dục và Lũy-Thầy ở Quảng-Bình để ngăn chống quân Trịnh ở mặt Bắc.
- Không nộp thuế cống cho Chúa Trịnh.
- Trả lại sắc-phong của Vua Lê.

Có thể nói vào lúc này quan-hệ giữa họ Trịnh ở ngoài Bắc và Họ Nguyễn ở trong Nam trở nên căng-thẳng, Chúa Nguyễn-phúc-Nguyên đã ra mặt chống đối Chúa Trịnh ở đảng Ngoài, còn Trịnh-Tráng thì nhiều lần lấy danh-nghĩa Vua Lê đem quân đánh Nguyễn-phúc-Nguyên, nhưng quân Nguyễn lợi-dụng địa-thế hiểm-trở, đắp lũy đài chống cự quyết-liệt, quân Trịnh không làm gì được cuối cùng phải rút về. Theo di-mệnh của Nguyễn-Hoàng, Sãi Vương quyết xây-dựng Đàng Trong thật vững mạnh để chống lại Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Do đó Ông giao-hảo với các nước ở phương Nam để củng-cố vị-thế của mình.

Phía Nam nước ta lúc đó là Chiêm-Thành và Chân-Lạp (tức Cambodia ngày nay). Lúc đó Vua Chân-Lạp mới lên ngôi là Chey Chetta (trị vì 1618-1628). Ông này muốn kết-thân với Chúa Nguyễn để làm thế đối trọng với Vua Xiêm-La (tức Thái Lan ngày nay) nên đã cầu-hôn với con gái Sãi-Vương (tức Công-Chúa Ngọc-Vạn) thật ra không có sử sách nào ghi lại diễn-tiến cuộc hôn-nhân này. Có lẽ vì lúc đó người ta quan-niệm hẹp-hòi cho rằng người Chân-Lạp là man-di chẳng ? ! Nên các sử sách nhà Nguyễn tránh không ghi lại việc này! Bộ Đại-Nam liệt truyện tiền biên, khi chép về các Con gái Sãi-Vương, đến mục “Công-Chúa Ngọc-Vạn ” đã ghi rằng “khuyết truyện” nghĩa là không có tiểu-sử. Gần đây, Bộ gia-phả mới ấn-hành năm 1995 về các Chúa Nguyễn cho biết là vào năm Canh-thân 1620 Sãi-Vương gả người Con gái thứ nhì là Công-Chúa Nguyễn phúc Ngọc-Vạn cho Vua Chân-Lạp là Chey – Chetta II. Ba năm sau cuộc hôn-nhân Ngọc-Vạn, Sãi-Vương cử một sứ bộ sang Chân-Lạp xin Vua Chey-Chetta II nhượng khu dinh-điền ở Vùng Mô-Xoài, gần Bà-Rịa ngày nay và cũng nhờ sự vận-động của Hoàng-Hậu Ngọc-Vạn Vua Chân-Lạp đã đồng ý cho người Việt đến đó lập-nghiệp ! Và đây cũng là lần đầu tiên người Việt ở đàng Trong dưới quyền Chúa Nguyễn chính-thức đặt chân lên đất Chân-Lạp và vùng đất Mô-Xoài Bà-Rịa làm bàn đạp để người Việt mình dần-dần tiến xuống đồng-bằng sông Cửu-Long ! Chồng Công-Chúa Ngọc-Vạn tức Vua Chey-Chetta II từ trần năm 1628.

Từ đó Triều-đình Chân-Lạp liên-tục xảy ra cuộc tranh-chấp Ngôi báu giữa các Hoàng-thân. Năm Mậu tuất 1658 hai Hoàng-thân So và Ang Tan nổi lên đánh Vua Chân-Lạp. Lúc bấy giờ là Nặc-Ông-Chân (trị vì 1642-1659), nhưng thất bại, xin nhờ Thái-Hậu Ngọc-Vạn giúp đỡ, Thái-hậu Ngọc-Vạn chỉ cách cho hai người này cầu cứu Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Hiền-Vương Nguyễn-phúc-Tân,

cháu gọi Thái-hậu Ngọc-Vạn là Cô ruột, liền cử phó tướng Tôn-thất-Yến (Nguyễn-phúc-Yến) đang đóng ở Phú-Yên (dinh Trấn-Biên) đem ba ngàn quân qua giúp, bắt được Nặc-ông-Chân ở vùng Mô-Xoài (Bà-Rịa ngày nay), đưa về giam ở Quảng-Bình vì lúc đó nhà Chúa đang hành-quân ở Quảng-Bình. Tại đây Nặc-ông-Chân từ trần năm 1659 (Theo Việt Sử Xứ Đàng Trong Ông Phan-Khoang viết cuộc tranh-giành ảnh-hưởng ở nước Chân-Lạp giữa Xiêm-La và Các Chúa Nguyễn đăng trên tập san Sử địa số 14, Saigon năm 1969 trang 78 Phan-Khoang dựa vào tài-liệu người Pháp viết như trên. Nhưng các Sách trước đây chép rằng vì Nặc-ông-Chân chịu thần-phục nên được Chúa Hiền-Vương cho đưa về nước và tiếp-tục cai trị). Chúa Nguyễn phong So lên làm Vua Chân-Lạp tức Batom Reachea (trị-vì 1660 – 1672). Từ đó các vị Chúa Nguyễn xứ đàng trong ngày càng can-thiệp vào công việc nội-bộ của Chân-Lạp và đưa người thâm nhập nước này một cách hòa-bình, như vết dầu loang, như tằm ăn dâu, và dần dần tiến đến sinh sống tận mũi Cà-Mâu như hiện nay. Như thế có thể nói Công-Chúa Ngọc-Vạn đã 2 lần dẫn đường cho người Việt mở mang đất đai về phương Nam (lần thứ nhất sau cuộc hôn-nhân năm 1620 và lần thứ nhì trong cuộc tranh-chấp nội-bộ Vương quyền Chân-Lạp năm 1658).

Nguyên Sãi-Vương Nguyễn-phúc-Nguyên có 4 cô con gái mà 2 người lớn nhất và trẻ nhất có chồng là người Việt, người thứ nhì Công-Chúa Ngọc-Vạn kết-hôn với Vua Chân-Lạp như đã nói trên, còn Cô Công-Chúa thứ ba tên là Nguyễn-phúc-Ngọc-Khoa mà trong Đại-Nam lược truyện tiền biên, tiểu truyện Ngọc-Khoa cũng ghi là “khuyết truyện” thì theo sách nguyên-phúc-tộc thế phả, do chính Hội-đồng Nguyễn phúc tộc viết lại, đã chép rằng (Năm Tân Mùi 1631 Công-Chúa Ngọc-Khoa được Đức Hy-Tông “Sãi-Vương” gả cho Vua Chiêm-Thành là Pô-rômê) và cũng nhờ có cuộc hôn-phối này mà tình giao-hảo giữa hai nước Việt Chiêm được tốt đẹp, và Chúa Nguyễn được khai-thác bến Đại-Chiêm mà sau này là cửa-khẩu Hội-An, vấn đề không chỉ là đơn-giản như vậy, mà lý-do cuộc hôn-nhân này còn sâu xa hơn nhiều ! Thứ nhất Chiến-tranh giữa đàng trong và đàng ngoài (Trịnh Nguyễn) vừa mới bùng nổ năm Đinh Mão 1627 tại vùng Bố-Chính tức (Quảng-Bình ngày nay) Thứ nhì năm 1629, lưu thủ Phú-Yên là Văn-Phong (không biết họ) liên-kết với người Chiêm-Thành nổi lên chống lại Chúa Nguyễn, Sãi-Vương liền cử phó tướng Nguyễn-hữu-Vinh, chồng của Công-Chúa Ngọc-Liên, đem quân dẹp yên, và đổi phủ Phú-Yên thành dinh Trấn-Biên. (Sãi-Vương rất lo ngại nếu ở phía Nam mà Chiêm-Thành mở cuộc chiến-tranh chống Chúa Nguyễn thì đàng trong sẽ lâm vào tình-

trạng “lưỡng đầu thọ địch”) Và thứ ba là vào cuối thế-kỷ 16 và đầu thế-kỷ 17 người Chiêm-Thành thường buôn bán với người Bồ-đào-Nha ở MaCao (vùng đất thuộc-địa trên đất Trung-Hoa) Thương thuyền Bồ-đào-Nha hay ghé buôn bán trao đổi với người Chiêm ở các hải-cảng Cam-Ranh và Phan-Rang. Do đó nếu Triều-đình Chiêm-Thành mà liên-kết với người Bồ-đào-Nha để chống lại Đại-Việt, thì thật là nguy-hiểm chẳng những cho Chúa Nguyễn mà là nguy-hiểm cho cả nước ta, điều này làm cho Chúa Nguyễn lo ngại, nhất là khi Vua Chiêm Pôrômê là một người anh-hùng trị vì Chiêm Quốc từ 1627 – 1651 làm Vua tới 24 năm. (Với những chiến-công hiển-hách được tô vẽ thêm nhiều chi-tiết huyền-thoại cho nên Vua Pôrômê đã được dân-tộc Chăm thần linh hóa “Dân-tộc Chăm sử lược, Saigon 1965 tr. 147”)

Có thể vì các nguyên-nhân trên, nên Sãi-Vương đã quyết-định phải dàn xếp với Chiêm-Thành, và đưa đến cuộc hôn-nhân chính-trị Việt Chiêm năm 1631 giữa Công-Chúa Ngọc-Khoa, con của Sãi-Vương với Vua Chiêm là Pôrômê nhằm rút ngòi nổ của phía Chiêm -Thành, hầu bảo-đảm an-ninh mặt Nam. Các sách Tây phương ghi nhận rằng không hiểu vì sao, sau năm 1639 thì cuộc giao-thương giữa Chiêm-thành và người Bồ-đào-Nha không còn được nghe nói đến nữa “ Pierre Bernard Lafond. Bđd., Sđd. Tr 149 ”Phải chăng việc này là hậu-quả của chuyện Công-Chúa Ngọc-Khoa sang làm hoàng-hậu Chiêm-thành tám năm trước đó (1631) ?

Sử sách không ghi lại Bà Ngọc-Khoa đã làm những gì ở triều-đình Chiêm-thành, chỉ biết rằng truyền thuyết cũng như tục-ngữ Chiêm-thành đều có ý trách cứ, nếu không muốn nói là phản-nộ, và cho rằng Bà Ngọc-Khoa đã làm cho Vua Pôrômê trở nên mê-muội và khiến cho nước Chiêm-thành bị sụp đổ.

Trong sách dân-tộc Chăm sử lược, hai ông Dohamide và Dorohiem cho biết theo lời của một vị “Pô Thea” người phụ-trách giữ Tháp Pôrômê kể cho tác-giả E. Aymonier câu chuyện rằng Vua Pôrômê có ba vợ, bà vợ đầu là Bia Thanh Chih, con của vị Vua Tiền nhiệm đã truyền Ngôi cho Pôrômê, bà này không có con, Pôrômê cưới người vợ thứ nhì là một cô gái gốc Ra đê, tên là Bia Thanh Chanh, bà này sanh được một công-chúa, sau gả cho Hoàng-thân Phik Chơk. Hoàng-thân Phik Chok này lại liên-kết với Vua Yuôn “chỉ người Việt” và cho triều-thần Chúa Nguyễn rõ các nhược điểm của Vua Pôrômê đó là sự yếu-đuối trước sắc đẹp mỹ nhân ! Vua Yuôn đã cho một Công-Chúa thật đẹp giả dạng làm khách thương sang xứ Chăm, và do

sự sắp-xếp khéo-léo, tin-tức về nữ khách thương buôn duyên-dáng ngoại bang này đến tai Pô-rômê, nên Pô-rômê đã cho vời đến và khi vừa thấy mặt thì đã phải lòng ngay. Người Chăm gọi vị Công-Chúa Yuôn này là Bia Ut hay nữ-hoàng Ut cũng thế. “Theo Ngô-văn Doanh, Tháp cổ Chăm-pa, sự thật & huyền-thoại, Hà-Nội: Nxb Văn-hóa thông-tin năm 1994, tr. 187-196 ”.



Theo truyền-thuyết Chiêm-thành, Bà Ngọc-Khoa hay Bia Ut đã dùng sắc đẹp mê hoặc Vua Pô-rômê, khiến ông chặt bỏ cây “kraik” là biểu-tượng thiêng-liêng của Chiêm-thành, vì vậy sau đó Vương quốc này sụp đổ. Dân chúng Chăm thường truyền tụng câu đố: “Ô hay Ngài linh-thiên, rước Vợ từ Kinh, lim Ngài mất ứng” và ngoài ra người Chăm còn dùng tên bà Bia Ut trong một thành ngữ để mỉa-mai những phụ nữ béo mập “Béo như Bà Ut” (Limuk you Bia Ut) trong Văn-học dân-gian Chăm, tục ngữ - thành ngữ - câu đố, Tp HCM: Nxb. Văn hóa dân-tộc, 1995 tr. 201 – 230 tác-giả Insara có tên Việt là Phú Trạm)

Ngoài việc thần linh hóa câu chuyện, truyền thuyết trên đây đã phản-ánh một phần nào sự thật lịch-sử, đó là nước Chiêm-thành, một lần nữa đã suy-yếu hẳn đi sau cuộc hôn-nhân Việt Chiêm lần thứ hai năm 1931 như đã nói ở trên, và cũng nhờ đó người Việt xứ đàng trong đã nhanh chóng vượt qua Chiêm-thành tiến xuống đồng bằng sông Cửu-Long, như thế chúng ta có thể nói hai vị Công-Chúa của Sãi-Vương Nguyễn-phúc-Nguyên là Ngọc-Khoa và Ngọc-Vạn, tuy không chính-thức đem lại đất đai về cho đất nước trực-tiếp như Huyền Trân Công-Chúa đời nhà Trần, nhưng thật tế cả hai vị Công-Chúa đều đã mở đường cho cuộc Nam tiến, và quả thật chỉ khoảng hơn một thế-kỷ sau đó các Chúa Nguyễn xứ đàng trong với các chánh-sách uyển-chuyển chính-trị, quân-sự, kinh-tế, ngoại-giao, xã-hội, đã mở rộng biên cương về phía Nam như địa-hình nước Việt-Nam ta hiện có ngày nay (kể cả các quần đảo

xa xôi là Hoàng-Sa, Trường-Sa và riêng đảo Phú-Quốc diện-tích đã rộng bằng Quốc-gia Singapore). Trong lịch-sử những chiến công oanh-liệt để bảo vệ đất nước và mở nước ở dạng bùng nổ luôn-luôn được ghi nhận đầy đủ, nhưng còn những cuộc mở nước âm-thầm như việc làm của các nữ-lưu trên đây cùng với sự khôn-khéo của các vị Chúa Nguyễn đang trong, như vết dầu loang, như tầm ăn dâu, tới đâu khai khẩn đất hoang tới đấy, cùng là thủy-lợi đầy đủ và chính-trị trong sáng, sống hòa-đồng với người dân bản địa, và để cho người ta cùng sống với mình, đây là công cuộc mở nước êm-đềm nhất và không tốn hao xương máu của dân-tộc, thì chỉ có những bậc nữ-lưu và những anh-hùng như trên mới làm được (chuyện của hai Công-Chúa Ngọc-Khoa và Ngọc-Vạn theo sử-gia Trần-gia-Phụng hiện ở tại Canada trong tuần báo Little Saigon số Xuân Mậu-tý 2008)

Kể từ đời Chúa-Sãi Nguyễn-phúc-Nguyên, họ Nguyễn có Quốc tánh là Nguyễn phúc, năm 1635 Chúa Sãi-Vương mất thọ được 73 tuổi và có 11 con trai, ở ngôi Chúa được 22 năm.

Năm Ất Hợi 1635 Sãi-Vương mất, con là Nguyễn-phúc-Lan lên nối nghiệp gọi là Chúa Thượng, làm Vua được 9 năm đến năm 1643, Chúa Trịnh đưa lễ vật mượn thủy quân Hòa-Lan với 3 chiếc tàu sắt, cùng vỏ-trang nhiều trọng pháo, tiến vào cửa biển Thuận-An (Huế) với ý đồ xâm-lược, Chúa Thượng thân hành xuống cửa biển Thuận-An ra lệnh cho thủy quân chèo thuyền ra đánh thẳng vào 3 chiếc thuyền của Hòa-Lan, hàng trăm chiếc thuyền Việt-Nam xông thẳng vào 3 chiến thuyền Hòa-Lan, mặc cho đại-bác địch bắn ra như mưa ! Bốn mặt tàu Hòa-Lan đều bị tấn công, nhờ thuyền nhỏ, cơ động, nhanh nhẹn nên mặc dầu bị trúng một số đạn, tàu Việt-Nam vẫn bao vây và tấn công vào tàu Hòa-Lan quyết-liệt. Chúng vô cùng kinh-hoàng không ngờ thủy quân Chúa Nguyễn gan dạ đến thế, chiếc nhỏ nhất vội lườn-lách chạy thoát thân, chiếc thứ 2 thẳng-thốt đâm vào đá, cả thủy thủ đoàn và tàu chìm-nghỉm xuống biển. Chiếc thứ 3 lớn nhất chống-cự lại, các thủy quân Chúa Nguyễn bám sát tàu, bẻ bánh lái, một số nhảy lên tàu, chặt gãy cột buồm, bị dòn vào thế tuyệt-vọng, thuyền trưởng Hòa-Lan cho nổ kho thuốc súng, thế là tất cả thủy thủ bị hỏa thiêu, chết la-liệt trên biển, có 7 tên nhảy xuống biển, cố bơi thoát nhưng đều bị tóm cổ. Đây có thể nói lần đầu tiên trong lịch-sử thủy chiến, thủy quân Việt-Nam đã đánh thắng thủy quân Âu-Châu (theo sách 9 Chúa & 13 Vua Triều Nguyễn Nxb Đà Nẵng năm 1997 tr. 16-18 tác-giả Tôn-thất-Bình)



Năm 1648 Chúa Thượng mất con là Nguyễn-phúc-Tần lên nối ngôi gọi là Chúa Hiền, trước khi chưa lên ngôi, đang còn là Thế-tử, Phúc Tần đã là một chiến tướng, trước khi lên ngôi chừng vài tháng, Trịnh-Tráng sai đô đốc Tiền quận Công là Lê-văn-Hiểu (có nơi gọi Hàn-Tiến) đem quân thủy bộ vào đánh miền Nam, Bộ binh đóng ở đất Nam-Bổ-Chính, còn thủy quân thì đánh vào cửa Nhật-Lệ.

Bấy giờ hai cha con Trương-phúc-Phấn quyết-tâm ra sức giữ Lũy Trường-Dục, quân Trịnh đánh mãi vẫn không tiến lên được. Chúa Thượng thấy thế trận giằng co mãi, mới sai con là Nguyễn-phúc-Tần đem binh ra chống giữ, khi ra đến Quảng-Bình, Nguyễn-phúc-Tần hội các tướng lại bàn rằng: “Quân Trịnh tuy nhiều, nhưng người đánh giỏi thì ít, nếu lợi-dụng lúc đêm tối, ta cho voi xông vào, rồi đem đại quân đến đánh, chắc là phá được.” Đoạn, một mặt cho thủy quân đi phục sẵn ở sông Cẩm-La để chặn đường quân Trịnh rút về, một mặt sai Nguyễn-hữu-Tiến đem 100 con voi đến canh năm xông thẳng vào trại quân Trịnh, quân bộ tiếp sau vào đánh phá. Quả-nhiên quân Trịnh thua to rút lui về Bắc, lại gặp thủy quân của Nguyễn đón đường đuổi đánh tận sông Lam-Giang mới thôi. Trận ấy quân Nguyễn bắt được nhiều tướng và hơn 3.000 quân của họ Trịnh, đó là nhờ mưu-kế của Thế-tử Nguyễn-phúc-Tần. Năm Kỷ Mùi 1679 Chúa Nguyễn-phúc-Tần cho phép Dương-ngạn-Địch một tướng củ của triều Minh cùng với Trần-thượng-Xuyên đem gia thuộc cùng với hơn ba ngàn người và 50 chiến thuyền vào Nam khai phá đất Gia-Định và Mỹ-Tho, các phố xá buôn bán dần dần mọc lên ở vùng đất mới này, thuyền buôn của người Thanh cùng các nước phương Tây và Nhật-Bản đi lại tấp-nập, phong hóa ngày càng mở mang. Vào năm 1687 Chúa Hiền mất thọ được 68 tuổi có 6 người con trai và ở ngôi được 39 năm.



KỶ II



Chúa Hiền Nguyễn-phúc-Tần mất đi, con là Nguyễn-phúc-Trần lên nối ngôi lúc này Chúa đã 39 tuổi, bấy giờ gọi là Chúa Nghĩa, Chúa Nghĩa nổi tiếng là người rộng-rãi, hình phạt và siêu thuế cũng nhẹ-nhàng, trăm họ ai cũng vui mừng, quan lại củ của tiên triều đều được trọng đãi. Người đời sau nhắc đến Chúa Nghĩa Nguyễn-phúc-Trần đó là việc dời Phủ về làng Phú-Xuân đó là kinh-thành bây giờ, Chúa Nghĩa không thọ được lâu, ở ngôi có 4 năm thì mất thọ 43 tuổi (1691)

Chúa Nghĩa mất, con là Nguyễn-phúc-Chu lên nối ngôi khi mới chỉ 17 tuổi được cho nuôi ăn học khá cẩn-thận vì thế văn hay chữ tốt, đủ tài lược văn võ, sùng đạo Phật, lên chấp-chánh Chúa rất quan-tâm chiêu hiền đãi sĩ, nghe lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, giảm hình phạt. Vừa lên ngôi Chúa cho xây một loạt chùa miếu, mở hội lớn ở Chùa Thiên Mục . . Đây có thể nói là thời kỳ thịnh trị, vì chiến-tranh Trịnh Nguyễn đã tạm ngưng 30 năm qua, lấy sông Gianh làm giới tuyến đàng ngoài, đàng trong. Chúa Phúc-Chu có điều-kiện mở rộng đất đai về phía Nam và đã đạt được những thành-tựu đáng kể.



Năm Đinh-Sửu 1697 đặt Phủ Bình-Thuận gồm đất Phan-Rang, Phan-Rí trở về Tây chia làm 2 huyện An-Phúc và Hòa-Đa. Bắt đầu đặt Phủ Gia-Định, Chia đất Đông-Phổ, lấy xứ Đồng-Nai làm huyện Phúc-Long, dựng dinh Trấn-Biên (tức Biên-Hòa), lấy xứ Saigon làm huyện Tân-Bình, dựng dinh Phiên-Trấn, lập xã Minh-Hương từ đó người Thanh đi lại buôn bán sầm uất. Năm Mậu-tý 1708 Mạc-Cửu xin trao ấn Hà-Tiên cho Chúa Nguyễn khu-vực chạy dài từ mũi Cà-Mâu tới Vũng-Thơm ngày nay, và Chúa dùng Mạc-Cửu làm Tổng binh Trấn Hà-Tiên.

Năm Ất-Tý 1725 Chúa Nguyễn-phúc-Chu mất, ở ngôi 34 năm thọ 51 tuổi, Phúc-Chu là Chúa có đông con nhất tất cả 146 người cả trai lẫn gái. Nguyễn-phúc-Trú, (còn gọi là Thụ) được lên nối ngôi ở tuổi 30 (1725). Năm 1732 Chúa Phúc Trú sai tướng đánh Cao-Miên vì nước này thường quấy-nhiều vùng biên-ải phía Nam nhà Nguyễn, sau vài trận đánh lớn, quân Nguyễn đã chiếm được đất Gia-Định, lập dinh Long-Hồ (Vĩnh-Long) châu Định-Viễn, làm bức tường trấn giữ mặt Nam. Ngoài việc đánh lấy Gia-Định màu mỡ, nhập vào miền Nam nước Việt, Phúc-Trú còn là vị Chúa biết trọng-dụng nhân tài, năm Bính-thìn 1736, Mạc-Cửu mất, con trai là Mạc-thiên-Tứ được Chúa Nguyễn cho làm Đô-đốc Trấn Hà-Tiên. (Mạc-thiên-Tứ là người tài giỏi). Năm Mậu-ngọ 1738 Phúc-Trú qua đời ở ngôi 13 năm thọ được 43 tuổi và chỉ có 3 con. Con trai là Nguyễn-phúc-Khoát lên nối ngôi lúc mới 25 tuổi.

Năm 1744 trong dân-gian miền Nam lưu-truyền câu sấm: “Bát đại thời hoàn Trung-Đô” có nghĩa là 8 đời phải trở lại Trung-đô tức kinh-thành Thăng-Long. Phúc-Khoát lo-lắng vì trải qua bao nhiêu gian-truân, chiến-tranh để mở mang bờ cõi đến tận Cà-Mâu, các vị Tiên Chúa đã đổ biết bao nhiêu xương máu mới gây dựng được cơ-đồ như ngày nay, mà nay phải quy hoàn Trung-đô thần-phục bọn Trịnh hay sao ? !

Để hóa giải câu sấm trên, nên năm Giáp-tý 1744 Phúc-Khoát đúc ấn Quốc-Vương và lên ngôi Vua ở Phú-Xuân, ban chiếu bố cáo thiên hạ. Bộ máy chính quyền từ trên xuống cơ sở, các chức danh, tên gọi cũng thay đổi theo: Phủ Chúa gọi là Điện, đổi chữ “thân” làm chữ “tấu” khi có việc cần bàn với Chúa, tuy nhiên Vua Nguyễn vẫn dùng niên-hiệu Vua Lê trong các văn-bản hành-chánh. Đối với các thuộc quốc như Cao-Miên, Ai-Lao, Xiêm. . thì lại xưng là Thiên-Vương, hoàng-tử xưng là Công-tử, con trai trưởng gọi là Thái Công tử, và nhất là để cho khác đàng ngoài, thay đổi luôn cả y phục dân-gian, như đàn bà thì bận quần 2 ống như hiện nay, nên có câu ca-dao:

“Không đi thì chợ không đông !

Đi thì phải mượn quần chồng sao đang ?”

Cũng từ đây chiếc áo dài đàn bà bắt đầu từ giữa thế-kỷ 18 và theo thời-gian biến đổi dần dần cho tới ngày hôm nay.

Năm 1757 Chúa Nguyễn lập đạo Đông-Khẩu, Châu-Đốc, Tân-Châu. Tới lúc này toàn châu thổ sông Mekong, nay gọi là đồng-bằng sông Cửu-Long thuộc quyền cai-quản của Chúa Nguyễn.

Nguyễn-phúc-Khoát đã tự xưng Vương ở ngôi được 27 năm, năm Ất-dậu 1765 quốc Vương băng hà, thọ được 52 tuổi, con trai thứ 16 lên nối ngôi, tức vị Chúa thứ 9 Nguyễn-phúc-Thuần mới có 12 tuổi, chính quyền đang trong lại rơi vào suy vong, vì mọi quyền hành đều rơi vào tay quyền thần Trương-phúc-Loan.

Nguyên Chúa Nguyễn-phúc-Khoát ban đầu lập Hoàng-tử thứ 9 tên Hiệu làm Thái hoàng tử, chẳng may bị mất sớm, con trai của Hiệu là Hoàng-tôn-Dương còn thơ ấu. Ngoài ra Phúc-Khoát còn có Hoàng-tử thứ 2 là Nguyễn-phúc-Luân cũng rất thông-minh đĩnh-ngộ, Chúa muốn cho nối ngôi trời. Như thế nếu theo thứ tự sẽ là:

- Hoàng-tôn-Dương
- Nguyễn-phúc-Luân (Bố của Vua Gia-Long sau này)

Phúc-Khoát vì có ý lập Phúc-Luân, nên cho thầy học nổi tiếng là Trương-văn-Hạnh dạy bảo những điều cần-thiết cho một người gánh-vác trọng-trách quốc-gia sau này.

Nhưng khi Phúc-Khoát mất đi, thì tình-hình có nhiều biến đổi bất ngờ, bấy giờ quyền thần Trương-phúc-Loan không muốn lập Phúc-Luân vì lớn tuổi khó bề điều-khiển, nên Loan mới toa rập với thái-giám Chử-đức-Hân và Nội tả Thân-kinh-Hầu giả di-chiếu và lập Nguyễn-phúc-Thuần mới 12 tuổi lên nối ngôi.

Phúc-Luân bị bắt giam, thầy dạy học Trương-văn-Hạnh bị giết chết, Phúc-Luân không được nối ngôi trời, lo buồn cho tính mệnh và chết lúc mới 33 tuổi ! Mọi quyền-hành đều rơi vào tay Trương-phúc-Loan, và ông tự xưng là Quốc Phó, thực-tế thu tóm mọi quyền lực vào tay mình, tài-chánh triều Nguyễn kiệt-quệ vào thời điểm này ! Các nguồn lợi chủ-yếu của vương quốc Đàng Trong đều rơi vào tay Loan. Thuế sản vật các mỏ

vàng Thu-Bồn, Đồng-Hương, Trà-Sơn, Trà-Vân . . . hàng năm Loan chỉ nộp vào ngân-kho 1 – 2 phần mười số thu được, các thứ lâm thủy sản đều chảy vào nhà Loan. Cả nhà Họ Trương chia nhau nắm hết mọi chức-vụ chủ chốt. Quyền và tiền của Họ Trương lấn át cả trong triều ngoài trấn. Có quyền, có tiền, Loan mặc sức hoành hành ngang ngược. Người bấy giờ gọi là Trương Tần Cối. Nhân dân bị làm-than nên vô cùng ta-thán !



Giữa lúc đó, anh em Tây-Sơn do Nguyễn-Nhạc cầm đầu dấy-nghĩa ở Qui-Nhơn Bình-Định, cướp của nhà giàu, chia cho nhà nghèo, thanh-thế ngày càng lừng-lẫy vì được dân chúng ủng hộ. Thêm vào đó tháng 5 năm Giáp-ngọ (1774) lợi dụng lúc đảng trong triều-thần suy-thoái, nhân-tâm loạn lạc, ly tán, Họ Trịnh ở đảng ngoài lại đem đại quân vào đánh Nguyễn. Cả 2 phía Tây-Sơn cũng như Họ Trịnh để có chính-danh đều nêu khẩu-hiệu: “Trừ khử quyền thần Trương-phúc-Loan và tôn phò Hoàng-tôn-Dương”. Chiến-tranh loạn lạc lại nổ ra, đất Thuận-Hóa trước trù-phú là thế mà nay trăm bề xơ-xác điêu-tàn ! Trước tình-cảnh đó, không còn cách nào khác, tôn thất nhà Nguyễn cùng nhau hợp sức bắt trói Trương-phúc-Loan nộp cho quân Trịnh. Tháng 12 năm 1774 quân Trịnh chiếm được Phú-Xuân và đặt quan cai-trị Thuận-Hóa. Tây-Sơn tìm cách tạm hòa với Trịnh để yên mặt Bắc và có điều-kiện đánh Nguyễn trong Nam. Đại quân Tây-Sơn cả thủy lẫn bộ đánh vào Saigon. Chúa Nguyễn chạy về Định-Tường rồi lại sang Long-Xuyên. Tháng 9 năm Đinh-dậu (1777) quân Tây-Sơn do Nguyễn-Huệ thống lĩnh đánh chiếm Long-Xuyên, Chúa Nguyễn và Hoàng tôn Dương đều bị chết trận, như vậy Nguyễn-phúc-Thuần ở ngôi 12 năm, và khi chết mới 24 tuổi, không có con nối ! ! Hoàng thất nhà Nguyễn chỉ còn lại một mình Nguyễn-phúc-Ánh (Con của Nguyễn-phúc-Luân mà sau này là Vua Gia-Long) một mình chạy thoát ra đảo Thổ-Chu. Lúc này Ánh mới có 17 tuổi đầu !

Đề kết-luận: Qua lịch-sử địa-lý nước nhà, chúng ta thấy rằng: Kể từ đầu thế kỷ XIV (1306) đời nhà Trần (Trần-anh-Tông) ranh giới nước Đại-Việt ta về phía Nam chỉ tới quá Quảng-Bình một tí, tức phía Bắc Quảng-Trị mà thôi.

Sau cuộc hôn-nhân Chiêm Việt (1306) giữa Huyền-Trân và Chế-Mân như đã nói trên, nước chúng ta được thêm đất Thuận-Hóa bấy giờ, mà nay là Trị Thiên, phía

Nam đến đèo Hải-Vân, diện-tích ước chừng 10,000 Km² (tức 1 vạn Km² so với toàn thể diện-tích đất toàn nước là 33 vạn Km² ngày nay), như vậy từ trước năm 1306 đời nhà Trần, và chưa kể châu Thuận-Hóa, nước Đại-Việt có diện-tích đất đai khoảng kém một nửa con số 33 vạn Km², tức chừng khoảng 16 vạn Km², và Châu Thuận-Hóa với diện-tích một vạn Km² này, là đất khởi-nghiệp của Chúa Nguyễn-Hoàng (đàng trong) kể từ đầu thế-kỷ XVII (1601) Chúa Nguyễn-Hoàng cho đến giữa thế-kỷ thứ XVIII (1757) thời kỳ Chúa Nguyễn-phúc-Khoát trị vì, là khoảng một thế-kỷ rưỡi (chừng 150 năm) mà các Chúa Nguyễn ở đàng trong đã NHÂN ĐÔI DIỆN-TÍCH đất nước Việt-Nam ta ! (nói một cách khác là đất nước ta đã mở rộng về phía Nam THÊM ĐƯỢC 16 VẠN Km²). Làm biến mất nước Chiêm-Thành, trên bản-đồ thế giới, và làm mất đi một phần lớn đất Chân-Lạp (Cambodge) như chúng ta hiện có ngày nay ! Kể cả làm chủ những quần đảo xa xôi như Hoàng-Sa và Trường-Sa cùng là đảo Phú-Quốc (có diện-tích lớn hơn so với quốc-gia Singapore chỉ có 700 Km² mà thôi, theo số-liệu năm 2007, cho thấy với dân-số 4,5 triệu người, nhưng có GDP chừng trên 100 tỷ \$USD, so với VN 85 triệu dân-số mà GDP chỉ có 65 tỷ \$USD nghĩa là Tổng sản lượng VN chỉ bằng 1/2 quốc-gia nhỏ bé son trẻ Singapore mới lập quốc chưa đầy 4 thập kỷ) thời-kỳ của các Chúa Nguyễn đàng trong muốn ra các hải đảo xa xôi nói trên, chỉ dùng tàu bè gỗ chạy bằng sức người chèo, cùng là thuyền buồm, chứ làm gì có tàu sắt, động-cơ máy nổ chạy bằng nhiên-liệu xăng dầu như ngày nay ! Thế nhưng ngày nay chúng ta có còn làm chủ và giữ được chủ quyền các quần đảo nói trên không ? ! Ngày 2 / 12 / 2007 Quốc-vụ-viện Trung-Quốc vừa phê-chuẩn việc thành-lập thành-phố hành-chánh cấp huyện Tam-Sa thuộc Tỉnh Hải-Nam trực-tiếp quản-lý 3 quần đảo, trong đó có 2 quần đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa của VN ta ! Ngày 9/12/07 và ngày 16/12/07 thanh-niên, học-sinh, sinh-viên, trí-thức, văn-nghệ-sĩ yêu nước ở VN đã tụ-tập biểu-tình ở bên ngoài Lãnh-sự-quán Trung-Cộng tại TP/HCM cũng như Tòa Đại-Sứ Trung-Cộng tại Hà-Nội để phản-đối nhà cầm quyền Trung-Cộng đã hành-động ngang-ngược xâm-lăng ăn cướp nói trên, nhưng than ôi lại bị bạo quyền CSVN đang-tâm đàn-áp dã-man, còn phát-ngôn-viên bộ Ngoại-Giao VN Lê-Dũng thì nói việc này chỉ có thể giải-quyết bằng ngoại-giao, thật ra chúng sợ mất lòng quan-thầy Trung-Quốc của chúng ! Trong khi đó thì người Việt-Nam tại những thành-phố có đông Việt-Kiều ở hải-ngoại như Mỹ, Úc, Pháp, Canada . . . đều đồng loạt biểu-tình trước Đại-sứ-quán Trung-Cộng và VC để phản-đối hành-động ăn cướp nói trên của Trung-Cộng, cũng như sự làm ngơ hèn nhát của CSVN hầu bảo-vệ ngôi vị độc tôn lãnh-đạo của Đảng CSVN

dưới cái dù che của CS Trung-Quốc. Trong khi đó ngày 8/1/2008 khoảng chừng 30 đồng-bào Hoa-Lục biểu-tình ngay ở Hà-Nội VN với khẩu-hiệu Hoàng-Sa và Trường-Sa là của Trung-Quốc, một giọt dầu là một giọt máu của nhân-dân Trung-Quốc, buồn cười thay lại được bạo quyền CSVN đưa lực-lượng an-ninh bảo-vệ kỷ số 30 người khách Hoa-Lục đang du-lịch VN nói trên ! Người Việt-Nam nên nhớ và đừng bao giờ quên rằng:

- Năm 1974 tàu chiến Trung-Quốc cưỡng chiếm Hoàng-Sa và đã làm cho gần 60 chiến-binh VNCH tử trận .

- Năm 1979 Trung-Quốc tràn qua 6 tỉnh biên-giới phía Bắc VN nói là “dạy Cho VN một bài học” làm cho rất nhiều bộ đội cũng như đồng-bào vô tội VN đã bị chết một cách oan uổng và thiệt hại về kinh-tế và tài-sản cũng không phải là nhỏ.

- Năm 1988 Trung-Cộng và VC lại hải-chiến gần một trong các bãi cạn của quần đảo Trường-Sa làm cho hơn 70 bộ-đội VN tử trận.

Thế-giới ngày nay gần như theo chánh-sách toàn cầu hóa, VN đã vào WTO. Nay đã lại là một thành-viên không thường trực của Hội-Đồng Bảo-An LHQ. Ngàynay đâu có thể có tình-trạng cá lớn nuốt cá bé, nước mạnh chèn ép nước yếu một cách công-khai và dễ-dàng như thế được ! ! ! Không phải Ông Lê-Dũng phát-ngôn-viên bộ Ngoại-Giao VN vẫn mạnh miệng trả lời TTX/VN là; “VN có đầy đủ bằng-chứng lịch-sử và cơ-sở pháp-lý để khẳng-định chủ-quyền của VN đối với 2 quần đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa. ”Hãy hành-động cụ-thể để bảo-vệ tổ-quốc, đất đai của tiền-nhân để lại một cách hữu-hiệu, chứ không phải bằng lời nói suông vô giá-trị ! Nhân-dân VN ở trong nước, cũng như kiều-bào VN ở Hải-ngoại đang chờ xem cách đối phó của nước CHXHCN/VN trước hành-động lấn chiếm của bọn bá quyền Bắc-Kinh như thế nào ? !

Năm Đinh-Dậu (1777) Chúa Nguyễn-phúc-Thuần bị chết trận, Nguyễn phúc-Ánh một mình chạy thoát ra đảo Thổ-Chu. (lúc đó Ánh mới 17 tuổi đầu). Một tháng sau, Phúc-Ánh tập-hợp được một đội quân nghĩa-dũng, binh sĩ mặc toàn đồ tang chế, quyết đánh chiếm lại Saigon, giúp Ánh có Đỗ-thành-Nhân và một số tướng lãnh khác. Ánh ra sức xây-dựng lực-lượng, đắp lũy đất ở phía Tây sông Bến-Nghé, đóng cọc gỗ ở các cửa cảng để phòng ngừa tấn-công của Tây-Sơn, lúc đó Ánh đã có được 50 chiến thuyền.

Năm Canh-Tý (1780) Phúc-Ánh chính-thức lên ngôi Vương tại Saigon, dùng ấn “Đại-Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo” làm ấn truyền quốc, nhưng vẫn dùng niên hiệu nhà Lê.

Tháng 3 năm Nhâm-Dần (1782) quân Tây-Sơn do Nhạc và Huệ thống lĩnh kéo vào đánh Saigon, quân Nguyễn chống lại ở cửa biển, nhưng sức yếu đành thua trận. Ánh phải cưỡi thuyền nhỏ chạy ra biển, và đến trú ở đảo Phú-Quốc, đại quân Tây-Sơn rút về Qui-Nhơn. Tháng 8 năm đó Ánh lại thu thập tàn quân trở lại Gia-Định. Tháng 2 năm sau 1783 Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ lại kéo quân vào đánh ở cửa biển Cần-Giờ, quân Nguyễn tan-tác, Nguyễn-Ánh cùng 5, 6 tùy-tùng và khoảng 100 binh lính tháo chạy về Ba-Giồng. Tháng 4 năm đó, bị Nguyễn-Huệ đuổi gấp, Ánh phải cưỡi trâu lội qua sông thoát thân rồi đem mẹ, vợ con ra Phú-Quốc. Thủy quân Tây-Sơn truy đuổi đến tận đảo, tình thế cực-kỳ nguy khốn song nhờ cai cơ Lê-phúc-Điền mặc áo ngự đứng đầu thuyền giả làm Nguyễn-Vương đánh lạc hướng Tây-Sơn, Nguyễn-Ánh thoát chạy ra đảo Côn-Lôn, phò-mã Trương-văn-Đa liền kéo thủy quân Tây-Sơn ra vây chặt 3 vòng quanh đảo, Chúa Nguyễn như “cá nằm trên thớt”, bỗng đâu một trận bão lớn làm thiệt hại nặng nề thủy quân Tây-Sơn, Nguyễn-Ánh thoát được đến hòn Cổ-Cốt, sau lại về Phú-Quốc, thất bại liên-tiếp, Ánh phải trao Hoàng-Tử Cảnh mới 4 tuổi cho Bá-đà-Lộc làm con tin sang cầu-viện Pháp quốc ! Với biết bao gian-truân nguy hiểm, Ánh cùng tâm-phúc và anh em binh-sĩ cùng ăn uống chung, rất đạm bạc gần như không có gì ! Tháng 2 năm Giáp-Thìn (1784) Ánh đem theo cả mẹ và vợ con chạy sang Xiêm-La tá-túc và cầu viện. Mùa hè năm đó, Nguyễn-Ánh và quân Xiêm chừng 2 vạn thủy binh với 300 chiến thuyền kéo về Saigon Gia-Định. Nhờ có viện binh, Ánh chiếm lại Ba-Xắc, Trà-Ôn, Mân-Thít, Sa-Đéc . . .

Tháng 12 năm đó (1784) Nguyễn-Nhạc được tin cấp báo, tức thì sai Nguyễn-Huệ đem quân vào cứu Saigon. Quân Tây-Sơn mai-phục ở Rạch-Gầm và Xoài Mút (Tỉnh Định-Tường), rồi dụ quân Xiêm vào trận, quân Xiêm đại bại, Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương cùng vài ngàn sĩ tốt, băng rừng lội suối chạy về nước. Nguyễn-Ánh đi Trấn-Giang rồi sang Xiêm, xin trú-ngụ ở Long-Kỳ (người Xiêm gọi là Đồng-Khoai ở ngoài thành Vọng-Các), sai người đón mẹ và vợ con đến. Quân Nguyễn nhờ đất Xiêm mà sản-xuất, trồng cấy, tích trữ lương-thực, đóng chiến thuyền, thu nạp quân sĩ, chờ đợi thời-cơ. Lưu-trú trên đất Xiêm, Nguyễn-Ánh đã giúp Vua Xiêm đánh bại Miến-Điện . . . Vua Xiêm thán-phục, đem vàng bạc lụa là đến tạ ơn và hứa giúp Ánh lấy lại Gia-Định, sau vụ đánh Miến-Điện Ánh còn giúp Vua Xiêm đánh lại quân Chà-Và .



Năm Đinh-Mùi (1787) trước lực-lượng hùng mạnh

của Nguyễn-Ánh, lại thêm được Bồ-đào-Nha giúp đỡ, Vua Xiêm tỏ ra không bằng lòng, biết Xiêm không thể giúp gì mình hơn được, Nguyễn-Ánh lặng-lẽ rút quân về nước, dùng kế ly-gián giết Phạm-văn-Tham, đuổi Nguyễn-Lữ chiếm lại Saigon,, Gia-định vào tháng 8 năm Mậu-Thân (1788), còn Nguyễn-Nhạc bắt lực chỉ biết bo bo giữ lấy Qui-Nhơn, trong khi Nguyễn-Huệ phải lo đối-phó với tình-hình Bắc-Hà, đánh tan 20 vạn quân xâm-lược Mãn-Thanh, các tướng nhà Thanh sống sót bỏ chạy về nước, kéo theo Vua Lê-chiêu-Thống cùng bầy tôi 25 người sang Tàu. Sau 5 năm sống lưu vong trên đất Tàu, Lê-chiêu-Thống chết ở Tàu thọ 28 tuổi. Năm Kỷ-Dậu (1789) Hoàng-Tử Cảnh từ Pháp về nước. Trên lãnh-địa của mình, Ánh cố-gắng nhanh-chóng tăng-cường binh lực mọi mặt, thi hành phép “Động ư binh, Tĩnh ư dân” trai-tráng khi cần là lính chiến, hết trận về làm ruộng, định lệ khuyến nông, mở mang đồn-điền . . . Quan-tâm và đãi ngộ chiến-sĩ trận vong hoặc có công lao, đặt quan-hệ tốt với các nước láng giềng, nhất là binh-sĩ Xiêm để tăng-cường thanh-thế, và ưu ái với người Âu đã có sự giúp đỡ Ánh.

Ở đây xin được sơ-lược nói qua về Anh em nhà Tây-Sơn. Nguyên Tổ-tiên nhà Tây-Sơn vốn người họ Hồ ở huyện Hưng-Nguyên tỉnh Nghệ-An. Khoảng những năm 1653-1657 quân Nguyễn đánh ra đàng ngoài, chiếm được 7 huyện của trấn Nghệ-An, và khi phải rút về Nam họ đem theo rất nhiều dân ở các huyện trên vào sinh-sống ở các vùng đất mới phía Nam để khẩn hoang. Ông Tổ của nhà Tây-Sơn cũng là dân trong số đó, được cho sống ở ấp Tây Sơn Nhất (nay là thôn An-Khê, phủ Hoài-Nhơn, Bình-Định). Từ đó họ đổi sang họ Nguyễn. Đến đời Nguyễn-phi-Phúc lại dời sang ấp Kiên-Thành, huyện Tuy-Viễn (nay là Tuy-Phước Bình-Định). Ông Nguyễn-phi-Khanh lấy bà Nguyễn thị Đồng sinh được ba người con trai: Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ, và Nguyễn-Huệ. Gia-đình ông sống nghề buôn trâu, cuộc sống

cũng khá giả. Anh em Nguyễn-Nhạc cũng có được đi học, và có thời-gian đã theo học Giáo Hiếu, Giáo Hiếu nguyên là môn khách của thầy giáo Trương-văn-Hạnh, dưới thời Chúa Nguyễn-phúc-Thuần như đã nói ở trên, sau vì Hạnh bị Trương-phúc-Loan giết, Giáo Hiếu sợ bị liên-lụy phải chạy vào Qui-Nhơn, mở trường dạy học ở Ấp Yên-Thái. Hàng ngày được học với Giáo Hiếu, anh em Tây-Sơn lại được thúc-dục bởi câu sấm đầy khích-lệ: “Tây khởi-nghĩa, Bắc thụ công”, Giáo Hiếu còn nói cụ-thể hơn:

- Các Anh là người Tây-Sơn, hãy cố đi !

Nguyên Nguyễn-Nhạc xuất thân làm biện lại, (thu thuế ở một trạm thuế trong vùng), nhưng vụ thuế năm Tân-Mão (1771) thu được bao nhiêu Nhạc đánh bạc hết sạch, và để tránh sự truy-tố của nhà cầm quyền, Nhạc bỏ trốn cùng 2 em vào ở núi Thượng-Đạo, ấp Tây-Sơn, dựng trại, lập đồn, xưng hùng khởi-nghĩa. Cơ-nghiệp triều Tây-Sơn bắt đầu từ đây. Theo anh em Tây-Sơn là những người can-đảm, đã từng bôn ba, bị cuộc sống dồn nén, xô đẩy đến bước đường cùng, phải cầm võ-khí, bước đầu nghĩa binh đã có vài ngàn người, anh em Tây-Sơn thường sai quân đi cướp của những nhà giàu trong vùng rồi phân-phát cho dân nghèo ! Lúc bấy giờ trong vùng Qui-Nhơn có Huyện-Kê là một tay giàu có, ngầm giúp họ về tài-chánh. Nhờ đó Tây-Sơn mộ lính sấm khí-giới và theo đuổi mục-đích cao hơn, với khẩu-hiệu: “Lật đổ quyền thần Trương-phúc-Loan, ủng-hộ Hoàng-tôn-Dương” như đã nói ở đoạn trên.

Mùa thu năm Quý-Tỵ (1773) Tây-Sơn đem quân đánh ấp Kiên-Thành, chia đặt cơ-quan trong vùng họ kiểm-soát: Chúa trại nhất Nguyễn-Nhạc kiểm-soát 2 huyện Phù-Ly và Bồng-Sơn, chúa trại thứ nhì Nguyễn-Thung phụ-trách huyện Tuy-Viên, còn chúa trại thứ ba Huyện-Kê cung cấp lương-thực và quân-nhu. Họ không chỉ mở rộng vây cánh trong vùng như chiêu dụ những tay lục-lâm Nhưng-Huy và Tứ-Linh mà còn liên-lạc với nước ngoài, mật ước với nữ chúa Chiêm-Thành đem quân sang đóng ở trại Thạch-Thành làm thế ỷ giốc. Công việc sắp đặt và mưu-mô ban đầu đều do Nguyễn-Nhạc, một con người cơ-trí và đóng vai trò chủ động, bằng mưu-kế trá hàng của Nguyễn-Nhạc, quân Tây-Sơn chỉ trong một đêm đã lấy được thành Qui-Nhơn, sau đó tiến đánh Quảng-Ngãi và rồi lại chiếm luôn được Phú-Yên.

Năm Bính-Thân (1776) Nguyễn-Nhạc xưng là Tây-Sơn Vương, đúc ấn vàng và phong cho 2 em: Nguyễn-Huệ làm phụ chính, Nguyễn-Lữ làm Thiếu phó, những người có công theo giúp cũng theo thứ bậc ban thưởng, Tây-Sơn Vương đóng đô ở

thành Đồ-Bàn, tích trữ lương-thực, thao luyện binh lính, thu dụng những tay hào-kiệt, lực-lượng phát-triển một cách nhanh chóng. Giảng hòa với quân Trịnh, năm Đinh-Dậu (1777) Nguyễn-Nhạc được phong làm Quảng-Nam trấn thủ tuyên úy Đại sứ cung Quốc công. Từ đó quân Tây-Sơn dốc toàn lực tấn công quân Nguyễn ở phía Nam.

Trong 3 Anh em nhà Tây-Sơn chỉ có một mình Nguyễn-Huệ là anh hùng cái thế hơn cả, Ông ta sinh năm Quý-Dậu (1752), người ta thường nói Ông ta là một nhà thiên-tài về quân-sự, sánh ngang hay hơn cả Napoléon Đại-đế của nước Pháp. Năm Mậu-Tuất (1778) sau khi giết được Chúa Nguyễn-phúc-Thuần như đã nói trên, Nguyễn-Nhạc lên ngôi Hoàng-Đế, thành-lập một Vương Triều mới, đặt niên-hiệu là Thái-Đức, phong cho Nguyễn-Huệ làm Long nhương tướng quân. Lúc bấy giờ thấy vua Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc lấy hiệu bằng hai chữ “Thái Đức”, có người hiểu sự, đoán chiết tự hai chữ “Thái” và chữ “Đức” mà phán rằng: “Ba người tranh một nước” , có người còn đoán định-mệnh nhà Tây-Sơn bằng câu: “Thập nhị niên cường, kỳ cường mạc ngự” có nghĩa mạnh 12 năm, cái mạnh ấy không ai chống nổi ! Năm Bính-Ngo (1786), theo lệnh của Hoàng-Đế Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ đem đại quân ra hạ thành Thuận-Hóa của quân Trịnh, cùng tháng 5 năm đó, với khẩu-hiệu “phù Lê diệt Trịnh” và chỉ chừng một tháng sau, ngày 25/6 quân đội Tây-Sơn đã tiến vào cố-đô Thăng-Long. Sau nhiều chiến thắng lẫy-lừng, uy-danh của Nguyễn-Huệ ngày càng vang dội. Nguyễn-Nhạc cả sợ, cho rằng Nguyễn-Huệ giữ quân ở ngoài khó bề kiểm-chế nổi, liền lấy 500 thân-binh ra Phú-Xuân, chọn thêm quân tinh-nhuệ đi gấp ra Bắc.



Lúc này Nguyễn-Huệ đã lấy Công-Chúa Ngọc-Hân và trở thành Phò-Mã Vua Lê-hiến-Tông. Sau khi từ Bắc trở về, tháng 4 năm Đinh-Mùi (1787) Nguyễn-Nhạc chia Vùng đất phía Nam ra làm ba: từ

núi Hải-Vân trở ra Bắc thuộc về Bắc-bình-Vương Nguyễn-Huệ, đất Gia-Định thuộc về Đông-định-Vương Nguyễn-Lữ, còn Nguyễn-Nhạc đóng ở Qui-Nhơn và tự xưng là Trung-Uơng Hoàng-Đế. (Đúng như câu ba anh em tranh một nước). Từ đó Nguyễn-Nhạc tự mãn với sự giàu sang phú quý đã đạt được, không lo gì đến thời cuộc, chỉ lao vào con đường hưởng-lạc, anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ mâu-thuẫn trong việc chia quyền, chia đất, chia cửa, đem binh đánh lẫn nhau. Nguyễn-Huệ cho quân bao vây thành Qui-Nhơn trong vài tháng, Nguyễn-Nhạc đóng chặt thành và cố giữ, đồng-thời cầu-viện Đặng-văn-Trần từ Gia-Định ra giải vây, nhưng quân của Trần mới đi đến Phú-Yên thì bị quân Nguyễn-Huệ bắt được. Nguyễn-Nhạc bèn ở trên thành gọi Huệ mà bảo rằng: “Nồi da nấu thịt, lòng Em sao nở làm thế !” Rồi hai anh em cùng hướng vào nhau mà khóc, giảng hòa, chia lại ranh giới như sau: lấy Bản-Tân làm giới-hạn: từ Quảng-Ngãi trở vào Nam Nguyễn-Nhạc làm chủ, từ phủ Thăng (Bình), phủ Điện (Bàn) trở ra Bắc Nguyễn-Huệ làm chủ. Từ đây Anh em phòng bị lẫn nhau, không còn để ý đến miền Nam nữa. Cũng năm 1787 này Nguyễn-Ánh đánh chiếm lấy Gia-Định Saigon như đã nói ở trên, Nguyễn-Lữ chạy về lại Qui-Nhơn rồi mất ở đây ! Trong khi Nguyễn-Huệ phải đem quân ra Bắc lần thứ ba đại phá 20 vạn quân Thanh, ngày 7 tháng giêng năm Kỷ-Dậu (1789) quân-đội của Hoàng-đế Quang-Trung đã vui vẻ ăn tết khai hạ tại thành Thăng-Long, Hoa Đào làng Nhật-Tân còn đang nở rộ đón chào chiến thắng. Còn Nguyễn-Nhạc không lo phòng bị phía Nam để quân Nguyễn-Ánh lấy Bình-Thuận, Bình-Khang, Diên-Khánh . . . Thế Nguyễn-Nhạc ngày càng suy yếu, chỉ bo bo giữ Qui-Nhơn, Quảng-Ngãi, Phú-Yên mà thôi.



Vua Quang-Trung là một thiên-tài quân-sự, nhưng đoản mệnh, Ông mất năm Nhâm-Tý (1792), ở ngôi 5 năm, thọ 40 tuổi, Nguyễn-Nhạc cũng không thể ra thăm viếng em trai được, vì quân-đội của Nguyễn-quang-Toản ngăn-cản và lo phòng bị sợ Ông Bác ruột tấn công. Sau khi ngôi sao

Quang-Trung mất đi, nhà Tây-Sơn suy-yếu rõ rệt. Quang-Toản lên nối ngôi lấy niên-hiệu là Cảnh-Thịnh, dùng cậu ruột là Bùi-đắc-Tuyên làm Thái-Sư Giám Quốc trông coi mọi việc trong ngoài.

Một năm sau khi Quang-Trung mất, năm Quý-Sửu (1793) quân Nguyễn-Ánh vây thành Qui-Nhơn, Nguyễn-Nhạc đang ốm, sai con là Bảo đem quân chống giữ, tình hình rất nguy-ngập, Nguyễn-Nhạc viết thư cầu cứu Quang-Toản. Quang-Toản sai các tướng Phạm-công-Hưng, Nguyễn-văn-Huân, Ngô-văn-Sở đem 17 ngàn bộ binh, 80 thớt voi và 30 chiếc thuyền chiến chia đường tiến vào tiếp-viện. Quân Nguyễn-Ánh phải rút lui. Các tướng của Quang-Toản vào thành Qui-Nhơn, Nguyễn-Nhạc sai đem vàng bạc, mỗi thứ một mâm khao quân. Thái-Úy của Quang-Toản là Phạm-công-Hưng bèn kiểm-kê kho-tàng, thu lấy giáp đinh và giữ thành, Nguyễn-Nhạc uất quá thổ huyết ra mà chết. Quang-Toản phong cho con của Nhạc là Bảo làm Hiếu công, cắt cho huyện Phù-Ly để làm ấp ăn lộc, và gọi là Tiểu-Triều. Mẹ Bảo nói với con rằng: “Khai-thác cõi đất đều là công của cha mày, nay chỉ cho ăn lộc có một huyện, nếu sống mà chịu nhục, chẳng thà chết còn hơn.” Từ đó Bảo có chí muốn hàng quân Nguyễn-Ánh, bị quân Quang-Toản bắt được, cho uống thuốc độc chết. Như vậy Nguyễn-Nhạc làm Vua được 16 năm.

Thế rồi những năm sau, Nguyễn-Ánh bắt đầu mở các cuộc tấn-công ra Qui-Nhơn theo từng mùa gió nồm, dẫu gì thì Qui-Nhơn trước đó cũng là đất đai đang trong của các Chúa Nguyễn, và cũng vì đại gia-đình Tây-Sơn, luôn chia rẽ bất hòa giết hại lẫn nhau, nên có thể nói lòng dân lại hướng về con cháu Chúa Nguyễn, bởi thế trong dân gian có câu:

“Lạy Trời cho có gió Nồm,

Để cho Chúa Nguyễn, thẳng buồm kéo ra”

Gặp gió Nồm thuận thì tiến, hết gió lại kéo về, khi phát thì quân lính có đủ mặt, về thì tản ra làm ruộng. Sau cái chết của Quang-Trung, Nguyễn-Ánh càng thực thi chiến-thuật trên. Năm Canh-Thân (1800) Nguyễn-Ánh vượt biển ra công phá thành Qui-Nhơn, nội bộ Tây-Sơn lục-đục, tướng Tây-Sơn là Vũ-Tuấn đầu hàng. Nguyễn-Ánh chiếm thành Qui-Nhơn đổi thành Trấn Bình-Định, giao cho Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu ở lại giữ thành, quân Tây-Sơn bao vây nhiều tháng, nhưng vẫn không hạ được thành, vì 2 tướng Tánh và Châu liều chết quyết giữ thành.



Năm Tân-Dậu (1801), theo lời khuyên của 2 tướng trên, Nguyễn-Ánh không giải cứu Qui-Nhơn, mà đem quân thẳng ra đánh Phú-Xuân, Quang-Toản ra sức chống giữ nhưng không nổi, thành Phú-Xuân bị chiếm, Quang-Toản phải chạy ra Bắc-Hà, đổi niên-hiệu là Bảo-Hưng. Tháng 8 năm đó Quang-Toản dốc toàn bộ lực-lượng Bắc-Hà và quân ở 2 nơi Thanh Nghệ vào đánh Nguyễn-Ánh ở Phú-Xuân nhưng lại thua to, vội rút về Thăng-Long.

Ngày 16 tháng 6 năm Nhâm-Tuất (1802), Nguyễn-Ánh đưa đại quân ra đánh Thăng-Long, với khí-thế rất mạnh, Quang-Toản cùng 2 em là Quang-Thùy và Quang-Bàn bỏ thành chạy ra phía Bắc, bị thổ hào Kinh Bắc bắt được, đóng cũi đưa về Thăng-Long. Quân Tây-Sơn đến đây hoàn toàn tan rã. (Như thế nhà Tây-Sơn ở ngôi được 25 năm (1793 – 1802) Quang-Toản ở ngôi 10 năm và thọ 20 tuổi, Quang-Toản và các tướng lãnh thân-tín đều bị hành-hình. Mùa đông năm đó 1802, đất nước hoàn toàn thống nhất, Nguyễn-Ánh về lại Phú-Xuân, cho lập đàn tế-cáo trời đất, thiết triều tại Phú-Xuân, đặt niên-hiệu là Gia-Long năm thứ nhất. Lê-quang-Định được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh xin phong Vương và đổi tên nước là Việt-Nam kể từ đây. Năm Bính-Dần (1806) Vua Gia-Long Chính-thức làm lễ xưng Đế ở điện Thái-Hòa. Là vị Vua sáng-lập Triều Nguyễn, Gia-Long phải quyết-định nhiều việc, đặt nền móng cho một Vương-triều thống-nhất, từ Ải Nam-Quan cho đến Mũi Cà-Mâu.

Tài-liệu tham-khảo:

- Các triều đại Việt-Nam do NXB. Thanh-niên năm 1995 tác-giả Quỳnh-Cư & Đỗ-đức-Hùng

Minnesota, Mùa Xuân Năm Mậu-Tý 2008

Tác-giả: HOÀNG-THÂN-VINH

Nguyễn Phước Vĩnh Phu

HUẾ CỦA MỘNG MƠ

WEDNESDAY, 2. APRIL 2008, 05:00:00



Nói về Cố-đô Huế là nói về một thời của Vương-triều Hoàng-tộc Nguyễn:

Cố-đô vẫn Cố-đô hoài,
Lòng người mong đợi vẫn hoài Cố-đô !

Cố-đô Huế với muôn giáng vẻ yêu kiều, nào là sông Hương, núi Ngự Cầu Tràng-tiền, Đồi Vọng Cảnh, nào là các Chùa Thiên-Mụ, Từ-Đàm, Diệu-Đế .. cùng các lăng-tẩm Vua Gia-Long, Minh-Mạng, Tự-Đức, Khải-Định .. và nhất là Đại-Nội hoàng thành cổ kính.

“Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên-Mụ canh gà Thọ Xương”

Cầu Tràng-Tiền nối liền hai bờ Tả và Hữu ngạn sông Hương, một giòng sông thơ mộng mà ai đã đến Huế thì không thể nào không biết đến !

“Cầu Tràng-Tiền sáu vài mươi hai nhịp,
Em qua không kịp tội lỗi anh ơi !
Chẳng thà không biết thì thôi,
Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi cũng buồn ! ”



Qua khỏi Đập-Đá, về hướng bãi bể Thuận-An chừng nửa cây số là thôn Vỹ-Dạ mà ngày trước hai bên đường là các phủ đệ của Hoàng-thân Quốc-thích như phủ Tùng Thiện Vương, Tuy lý Vương, phủ Ba Cửa, phủ Tuy-Biên Quận Công v.. v.. mà Thi-sĩ Hàn mạc Tử từng ca tụng:

“Sao Anh không về chơi Thôn Vỹ,
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền !”

Còn với Các Vua Chúa Triều Nguyễn thì không quên được vùng đất Kim-Long trước khi đến gần Chùa Thiên-Mụ:

“Kim-Long có gái mỹ-miêu,
Trầm thương Trầm nhớ Trầm liêu Trầm đi”

Qua Chùa Thiên-Mụ dọc theo sông Hương chừng hơn cây số, phía tay mặt là Thánh-Miếu, còn gọi là Văn-Thánh:

“Văn-Thánh trồng thông, Võ Thánh trồng bàng,
Ngó về Xã Tắc Hai hàng mù u”

Hoàng-tử Vĩnh-San con vua Thành-Thái tức Vua Duy-Tân là Vị Vua trẻ nhưng tấm lòng yêu nước nồng-nàn đã từng khoát áo người câu cá ở bến Phú-văn-Lâu để gặp các cộng-sự bàn việc chống Pháp nhưng chẳng may việc không thành, Ông bị Pháp bắt đày sang đảo Réunion !

“Chiều chiều Ông Ngự ra câu,
Cái ve ,Cái chén , cái bầu sau lưng ..

...

Trước bến Văn Lâu,
Ai ngồi, Ai câu, ai sầu, ai thảm,
Ai thương, Ai cảm, Ai nhớ, Ai trông,
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non !”

Nói về sự sâu kín của người con gái Huế, thi sĩ Thu-Bồn người Quảng-Nam, đã dùng giọng Hương Giang để diễn tả:

“Con sông dùng dằng sông không chảy,
Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu !”

Ngày trước Huế là chốn Kinh Kỳ, học trò các nơi đến Huế để dự thi. Học trò trong Quảng không khỏi chạnh lòng trước vẻ đẹp của người Con gái Huế với chiếc nón bài thơ cùng mái tóc thề buông xỏa bay lượn trong gió:

“Học trò trong Quảng ra thi,
Thấy cô gái Huế chân đi không rời”

Đại-nội hoàng-thành Huế, nơi nhiều cô gái đẹp mơ ước được làm phi tần mỹ nữ, nhưng cũng là nơi cấm kỵ của nhiều người:

“Ngọ Môn năm cửa chín lầu
Một lầu vàng tám lầu xanh,
Ba cửa thẳng, hai cửa quanh,
Sinh em ra phận gái,
Chớ hỏi chốn Kinh thành mà làm chi.”

Cách Kinh-thành Huế chừng ba bốn cây số về hướng Nam có núi Ngự-Bình , núi này không cao, cách sông Lục Nam (sông An-Cựu) chừng hơn một cây số theo đường chim bay :

“Núi Ngự-Bình trước tròn sau méo,
Sông An-Cựu nắng đục mưa trong.”

Cách Huế chừng bảy tám cây số có một cây Cầu trên có mái ngói che (như Chùa cầu ở Hội-An Quảng-Nam)

“Ai về cầu ngói Thanh-Toàn,
Cho em về với một đoàn cho vui.”

Trên đường xuống Thuận-An qua khỏi thôn Vỹ-Dạ chừng hơn một cây số là làng Nam-Phổ, xưa kia trồng rất nhiều cau mà trong các lễ cưới hỏi hay dựng vợ gả chồng không thể thiếu, Cau thường dùng để ăn chung với xôi trắng và lá trầu xanh, “Con gái Nam-Phổ ở lỗ trèo cau
Mua cau Nam-Phổ, mua trầu chợ Dinh.”

Thổ sản Thừa-thiên Huế được nhiều người biết đến qua nhiều địa danh sau: “Quít giấy Hương-Cần, Cam đường Mỹ-Lợi, Vải-tràng Cung-Diên, Nhãn lồng Phụng-Tiên, Đào tiên Thế-Miếu, Thanh-trà Nguyệt-Biêu, Dâu da rừng Truồi, Hột Sen Hồ Tịnh (hồ Tịnh-Tâm)

Đàn Nam-Giao là một vùng đất bằng-phẳng nhưng không cao được các Vua Chúa Triều Nguyễn dùng làm nơi tế lễ vào các dịp Tết Nguyên-đán mà nhà thơ Xuân-Diệu từng nói:

“Dốc Nam-Giao thẳng mà không bằng,
Ta khởi sự đi trong ánh-sáng và tới dần trong bóng tối”

Xứ Huế đối với người phương Bắc thì:

“Thương Em Anh cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam-Giang”

Phá Tam-Giang là đoạn cuối của sông Hương rất rộng trước khi chảy ra biển Đông.

Còn đối với người phương Nam th:

“Đi bộ thì khiếp Hải-Vân,
Đi thủy thì khiếp sóng thần hang dơi”

Ngày nay đèo Hải-Vân đã có đường hầm mới do Nhật-Bản giúp xây-dựng và đã lưu-thông năm 2004 (Thay vì 20 Km lên và xuống đèo nay rút ngắn lại chỉ còn chừng 14 Km thôi)

Sau cùng, con người ai lại không ngưỡng vọng ở tương-lai, người ta thường nói người Huế có xa xứ làm ăn mới khá giả giàu có, không biết có đúng không ? Do vậy mà người Huế nhìn về quê người thấy thấp-thoáng bóng tương-lai; còn nhìn về quê mình chỉ thấy toàn quá-khứ, phải chăng vì thế mà người Huế trở thành người tù chung-thân của quá-khứ, thành kẻ hành-hương quanh miếu đền kỷ-niệm, kỷ-niệm của một thời “Mô Tê” lừng lẫy như ca-dao (trích Trần-kiêm-Đoàn)

Cựu Tổng-thống Mỹ Bill Clinton đến Việt-Nam ngày 17/11/2000 đã nhắc đến hai câu thơ của Đại văn hào Nguyễn-Du:

“Sen tàn Cúc lại nở hoa,

Sầu dài ngày ngắn, Đông đà sang Xuân”

Nhưng chúng tôi cho rằng câu nói sau của Tổng-thống Clinton mới có ý-nghĩa:

“Chúng ta không thay đổi được quá-khứ, điều chúng ta làm được là thay đổi hiện-tại và tương-lai.” Chúng ta suy-nghĩ gì về câu nói này và nhất là làm được gì để cho gần 85 triệu đồng-bào ruột thịt ở quê nhà được ấm no hạnh-phúc, không còn cảnh nghèo-nàn lạc hậu, trẻ em được cấp sách đến trường, người lớn có công ăn việc làm ? Muốn thế Việt-Nam phải có Tự-do, Dân-chủ mọi giáo-điều ngoại lai phải dẹp bỏ, phương chi chủ-thuyết này đã không còn chỗ đứng trên chính quê-hương sản sinh ra nó ! Người xưa đã nói những gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác “kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”. Chúng ta không thể nào so-sánh với triết-gia Mạnh-Tử khi Ông nói: “Nếu phải giết một người vô tội để được cả thiên-hạ thì đó cũng là điều không nên làm”. Vậy nên: Điều mà mọi người Việt con Lạc cháu Hồng còn có chút lương-tâm, thì ai cũng mong đất nước Việt-Nam phải được hồi sinh, người dân Việt phải thật sự sống trong Tự-do và Hạnh-phúc !
Mong lắm thay !

Kỉ Vạn Hồ , Xuân Mậu Tý 2008

Hoàng Thân Vinh